



Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Lần cập nhật gần nhất vào ngày 6 tháng 5 năm 2020

TỔNG SỐ CA BỆNH

1,193,813

22,303 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

70,802

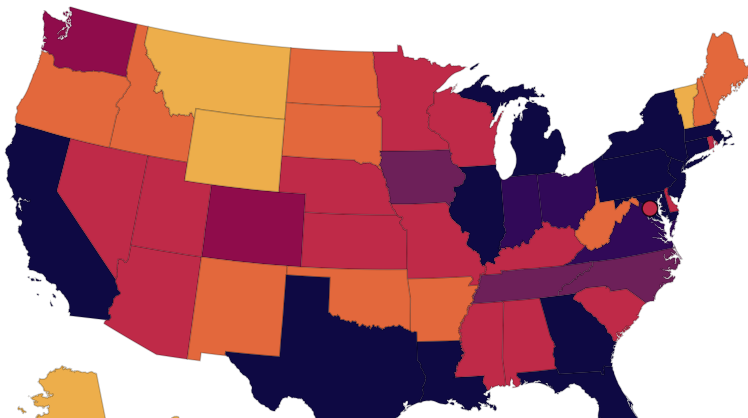
2.523 Ca Tử Vong Mới*



Số Ca Bệnh và Tử Vong theo Tiểu Bang

Bản đồ này thể hiện số ca bệnh và tử vong do COVID-19 theo báo cáo từ các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ Đô Washington và các khu vực phân quyền khác thuộc Hoa Kỳ. [Sở y tế của mỗi khu vực phân quyền](#) báo cáo mức độ lây lan của chủng vi-rút này trong cộng đồng của họ.

21 tiểu bang báo cáo trên 10.000 ca bệnh COVID-19.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 100
- 101 đến 1.000
- 1,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 15,000
- 15,001 đến 20,000
- 20,001 đến 25,000
- 25.001 trở lên



AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Ca Bệnh	Số Ca Tử Vong	Lây Lan Cộng Đồng
<input type="radio"/> Alabama	8,679	323	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Alaska	371	9	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> American Samoa	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> Arizona	9,305	395	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Arkansas	3,496	83	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> California	56,212	2,317	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Colorado	17,317	903	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Connecticut	30,621	2,633	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Delaware	5,371	187	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Washington D.C.	5,322	264	Chưa xác định
<input type="radio"/> Florida	37,439	1,471	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Georgia	29,602	1,258	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Guam	149	5	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Hawaii	570	17	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Idaho	2,127	65	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Illinois	65,962	2,838	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Indiana	21,033	1,326	Chưa xác định
<input type="radio"/> Iowa	10,111	207	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Kansas	5,458	137	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Kentucky	5,822	275	Chưa xác định
<input type="radio"/> Louisiana	30,069	2,115	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Maine	1,254	62	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Marshall Islands	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> Maryland	28,163	1,437	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Massachusetts	70,271	4,212	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Michigan	44,397	4,179	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Micronesia	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> Minnesota	7,851	455	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Mississippi	8,422	374	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Missouri	8,916	377	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Montana	456	16	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Nebraska	6,438	82	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Nevada	5,603	285	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> New Hampshire	0,000	00	Có, lây lan diện rộng

<input type="radio"/> New Hampshire	2,000	32	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> New Jersey	130,593	8,244	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> New Mexico	4,138	162	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> New York	316,041	25,014	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> North Carolina	12,256	452	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> North Dakota	1,266	25	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Northern Marianas	15	2	Chưa xác định
<input type="radio"/> Ohio	20,969	1,135	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Oklahoma	4,054	239	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Oregon	2,839	113	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Palau	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> Pennsylvania	50,957	3,012	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Puerto Rico	1,924	99	Chưa xác định
<input type="radio"/> Rhode Island	9,933	355	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> South Carolina	6,841	296	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> South Dakota	2,721	24	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Tennessee	13,690	226	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Texas	33,369	906	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Utah	5,530	58	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Vermont	906	52	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Virgin Islands	66	4	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Virginia	20,256	713	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Washington	15,594	862	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> West Virginia	1,242	50	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> Wisconsin	8,566	353	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Wyoming	604	7	Có, (các) khu vực đã được xác...

Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFACTS.ORG](#)

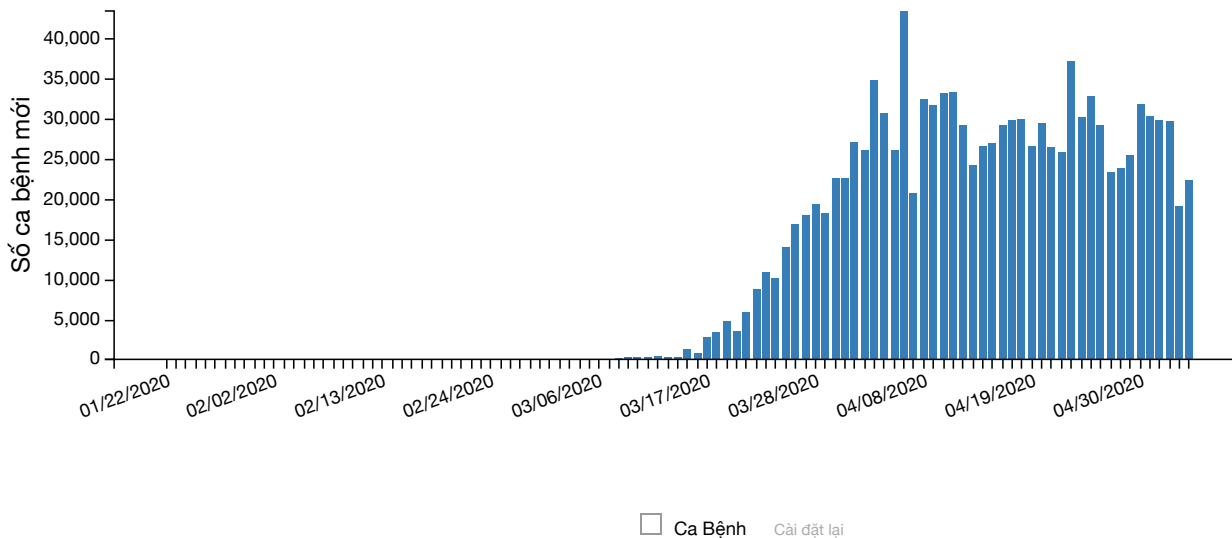
Chọn một Tiểu Bang



Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây thể hiện số ca nhiễm COVID-19 mới được báo cáo theo ngày tại Hoa Kỳ kể từ đầu giai đoạn bùng phát.



Xem dữ liệu theo ngày

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	0	0	1	0	3	0	0	0	0

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Đặc điểm dân số của các ca bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ.

Nhóm tuổi (tuổi)	Số ca (% trên tổng số)					Không xác định	Tổng
	< 18	18-44	45-64	65-74	75+		
Tổng số	21,195	322,703	310,779	96,149	110,845	55,150	916,821
Thiếu/chủng tộc chưa xác định	13,857 (65.4%)	197,011 (61.1%)	177,403 (57.1%)	45,658 (47.5%)	44,323 (40.0%)	18,656 (33.8%)	496,908 (54.2%)
Đã xác định chủng tộc	7,338 (34.6%)	125,692 (38.9%)	133,376 (42.9%)	50,491 (52.5%)	66,522 (60.0%)	36,494 (66.2%)	419,913 (45.8%)
Trong số những ca có xác định chủng tộc							
Người Mỹ Da Đỏ và Người Alaska Bản Địa	256 (3.5%)	1,683 (1.3%)	1,394 (1.0%)	361 (0.7%)	256 (0.4%)	147 (0.4%)	4,097 (1.0%)
Người Châu Á	342 (4.7%)	6,673 (5.3%)	7,110 (5.3%)	2,331 (4.6%)	2,478 (3.7%)	1,741 (4.8%)	20,675 (4.9%)

Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1,674 (22.8%)	34,349 (27.3%)	40,889 (30.7%)	15,806 (31.3%)	14,127 (21.2%)	11,777 (32.3%)	118,622 (28.2%)
Người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương khác	51 (0.7%)	524 (0.4%)	407 (0.3%)	112 (0.2%)	69 (0.1%)	78 (0.2%)	1,241 (0.3%)
Người Da Trắng	3,610 (49.2%)	62,387 (49.6%)	65,908 (49.4%)	26,983 (53.4%)	44,708 (67.2%)	16,013 (43.9%)	219,609 (52.3%)
Đa chủng tộc/khác	1,405 (19.1%)	20,076 (16.0%)	17,668 (13.2%)	4,898 (9.7%)	4,884 (7.3%)	6,738 (18.5%)	55,669 (13.3%)
Thiếu/dân tộc chưa xác định	13,414 (63.3%)	203,300 (63.0%)	188,263 (60.6%)	52,358 (54.5%)	56,209 (50.7%)	22,119 (40.1%)	535,663 (58.4%)
Đã xác định dân tộc	7,781 (36.7%)	119,403 (37.0%)	122,516 (39.4%)	43,791 (45.5%)	54,636 (49.3%)	33,031 (59.9%)	381,158 (41.6%)
Trong số những ca có xác định dân tộc							
Dân tộc gốc Tây Ban Nha/Châu Mỹ La Tinh	3,121 (40.1%)	39,065 (32.7%)	31,983 (26.1%)	7,978 (18.2%)	7,042 (12.9%)	10,438 (31.6%)	99,627 (26.1%)
Không phải dân tộc gốc Tây Ban Nha/Châu Mỹ La Tinh	4,660 (59.9%)	80,338 (67.3%)	90,533 (73.9%)	35,813 (81.8%)	47,594 (87.1%)	22,593 (68.4%)	281,531 (73.9%)

Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ

CDC đã chuyển các thông tin sau đến [Dữ liệu trước đây về số ca bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

- Người dân ở Hoa Kỳ mắc bệnh COVID-19 từ khi nào,
- Người dân tại Hoa Kỳ mắc bệnh COVID-19 như thế nào và
- Số ca bệnh COVID-19 từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess.

Về Dữ Liệu

Được Cập Nhật Hàng Ngày

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Các con số được báo cáo vào Thứ Bảy và Chủ Nhật là sơ bộ và chưa có xác nhận của các sở y tế tiểu bang và vùng lãnh thổ. Các con số này có thể được điều chỉnh khi số liệu được cập nhật vào các ngày Thứ Hai.

Số khu vực phân quyền

Hiện đã có 55 khu vực phân quyền thuộc Hoa Kỳ báo cáo số ca bệnh COVID-19. Số này bao gồm 50 tiểu bang, Thủ Đô Washington, Đảo Guam, Quần Đảo Bắc Mariana, Puerto Rico và Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ.

Số Ca Bệnh Đã Xác Nhận và Có Khả Năng

Tính đến ngày 14 tháng 4, 2020, số ca CDC và số ca tử vong bao gồm cả những ca đã xác nhận nhiễm và các ca có thể nhiễm và số ca tử vong. Sự thay đổi này được thực hiện nhằm thể hiện [báo cáo tình hình tạm thời về COVID-19](#) do Hội Đồng Các Nhà Dịch Tế Học Lãnh Thổ và Tiểu Bang ban hành vào ngày 5 tháng 4 năm 2020. Báo cáo quan điểm này bao gồm định nghĩa về ca bệnh và làm cho COVID-19 trở thành căn bệnh phải khai báo trên toàn quốc.

Một ca xác nhận nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng việc đáp ứng đầy đủ bằng chứng xét nghiệm xác nhận đối với COVID-19.

Ca có khả năng nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng một trong các hình thức sau:

- Đáp ứng tiêu chí lâm sàng VÀ bằng chứng dịch tế học mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID-19
- Đáp ứng bằng chứng xét nghiệm giả định VÀ tiêu chí lâm sàng HOẶC bằng chứng dịch tế học
- Đáp ứng tiêu chí về chỉ số sinh tồn mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID19

Lây Lan Cộng Đồng

Sở y tế các tiểu bang báo cáo mức độ lây truyền (lây lan) COVID-19 trong cộng đồng theo một trong các mức sau:

- "Có, lây lan diện rộng" - được định nghĩa là lây truyền lan rộng trong cộng đồng trên nhiều khu vực địa lý
- "Có, tại (các) khu vực đã được vạch rõ ranh giới" - được định nghĩa là các cụm ca bệnh riêng lẻ tại một hay một vài khu vực địa lý đã được vạch rõ ranh giới
- "Chưa xác định" - được định nghĩa là đã có 1 ca bệnh trở lên nhưng chưa được phân loại là "Có" lây truyền cộng đồng
- "Không áp dụng" - được định nghĩa là không có ca bệnh

Thông Báo Về Ca Bệnh

Thông báo ca bệnh do CDC tiếp nhận từ các khu vực phân quyền về y tế công cộng của Hoa Kỳ và [Hệ Thống Giám Sát Bệnh Phải Khai Báo Quốc Gia \(NNDSS\)](#).

Độ Chính Xác của Dữ Liệu

CDC không biết chính xác số lượng trường hợp mắc bệnh COVID-19, nhập viện và tử vong vì nhiều lý do. COVID-19 có thể gây ra bệnh nhẹ, các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay lập tức, có sự chậm trễ trong báo cáo và xét nghiệm, không phải ai bị nhiễm cũng được xét nghiệm hoặc có được dịch vụ chăm sóc y tế, và có thể có sự

khác biệt trong cách các tiểu bang và vùng lãnh thổ xác nhận các con số trong phạm vi phân quyền của họ.

Hiện các sở y tế công cộng địa phương và tiểu bang đang tiến hành xét nghiệm và báo cáo công khai các ca bệnh của họ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số ca bệnh theo CDC và số ca bệnh theo báo cáo của nhân viên y tế công cộng tiểu bang và địa phương, thì dữ liệu báo cáo của các tiểu bang sẽ được coi là dữ liệu mới nhất.

Thông Tin Thêm

[COVIDView – A Weekly Surveillance Summary of U.S. COVID-19 Activity](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Xét Nghiệm Tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Lần cuối xem xét trang này: Ngày 6 Tháng Năm năm 2020

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút